

HƯỚNG DẪN
Kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức

Căn cứ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác kiểm soát tài sản, thu nhập, Ban Thường vụ Đảng ủy hướng dẫn thực hiện việc kiểm soát tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức như sau:

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Quyết định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 Quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 10/6/2025 hướng dẫn thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng;
- Quyết định số 56-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW, ngày 06/11/2023 của UBKT Trung ương hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

2. Phạm vi áp dụng, đối tượng điều chỉnh

2.1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn việc kê khai, công khai, kiểm soát tài sản, thu nhập và chế độ thông tin, báo cáo về kiểm soát tài sản, thu nhập đối với các đối tượng phải kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ trong toàn đảng bộ phường.

2.2. Đối tượng điều chỉnh

2.2.1. Người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại Phường;
- Cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý; cán bộ khối chính quyền, trường học (*thuộc diện phải kê khai*);
- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường;
- Người dự kiến được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ diện cấp ủy quản lý;

- Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường, cơ sở;

- Những trường hợp được quy định tại Điều 10, Nghị định 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

2.2.2. Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và những người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập công tác trong các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội Phường (*trừ trường hợp cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý*).

2.2.3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

3. Giải thích từ ngữ

* *Kê khai tài sản, thu nhập* là việc ghi rõ ràng, đầy đủ, chính xác các loại tài sản, thu nhập, biến động tài sản, thu nhập phải kê khai, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo Mẫu bản kê khai tài sản, thu nhập.

* *Tài sản, thu nhập phải kê khai* bao gồm:

- Quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất, nhà ở, công trình xây dựng;
- Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên;
- Tài sản, tài khoản ở nước ngoài;
- Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.

* *Kiểm soát tài sản, thu nhập* là hoạt động do Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện theo quy định của pháp luật để biết rõ về tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng.

* *Tài sản, thu nhập phải kiểm soát* bao gồm tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của:

- Người có nghĩa vụ kê khai.
- Vợ hoặc chồng, con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai.

* *Xác minh tài sản, thu nhập* là việc kiểm tra, làm rõ nội dung kê khai và xem xét, đánh giá, kết luận của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của bản kê khai và tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

4. Nguyên tắc thực hiện

- Tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đảm bảo sự thống nhất từ phường đến cơ sở trong công tác kiểm soát tài sản, thu nhập.
- Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai tài sản, thu nhập.
- Hoạt động kiểm soát tài sản, thu nhập phải bảo đảm minh bạch, khách quan, công bằng; được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; không xâm phạm quyền tài sản của người có nghĩa vụ kê khai. Nghiêm cấm việc sử dụng không đúng mục đích thông tin, dữ liệu trong kiểm soát tài sản, thu nhập.

5. Phương thức kê khai tài sản, thu nhập

- *“Kê khai lần đầu”*, được thực hiện đối với người lần đầu giữ vị trí công tác là cán bộ, công chức khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường; người lần đầu được bầu, bổ nhiệm vào các chức danh diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý.
- *“Kê khai hằng năm”*, được thực hiện đối với những trường hợp sau đây: Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III được ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
- *“Kê khai bổ sung”*, được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên (*trừ trường hợp đã kê khai hằng năm theo quy định*).
- *“Kê khai phục vụ công tác cán bộ”*, được thực hiện đối với những trường hợp sau đây:

+ Người dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác diện cấp ủy quản lý.

+ Người ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân là cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phường.

Lưu ý: Trường hợp người dự kiến được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác mà chưa kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 thì thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và sử dụng bản kê khai lần đầu để phục vụ công tác cán bộ lần đó.

6. Thời hạn phải hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập

* *Kê khai lần đầu*: Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

* *Kê khai hằng năm*: Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

* *Kê khai bổ sung*: Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập.

* *Kê khai phục vụ công tác cán bộ*: Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; trường hợp ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.

7. Mẫu bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập

Thực hiện theo phụ lục của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ, cụ thể:

- Kê khai lần đầu: Phụ lục 01
- Kê khai hằng năm: Phụ lục 01
- Kê khai bổ sung: Phụ lục 02
- Kê khai phục vụ công tác cán bộ: Phụ lục 01.

8. Quy trình kê khai tài sản, thu nhập

Bước 1: Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

(1) Đối với các trường hợp kê khai bổ sung, kê khai hằng năm:

- Chậm nhất ngày 01/11 hằng năm: Ban Xây dựng Đảng xác định đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập (*khối đảng, đoàn thể phường; cán bộ diện Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý thuộc các tổ chức cơ sở đảng*). UBND phường xác định đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập (*cán bộ thuộc HĐND, UBND, các trường học*).

- Chậm nhất ngày 15/11 hằng năm: Các đơn vị lập danh sách người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, gửi Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (Mẫu 01).

- Chậm nhất ngày 30/11 hằng năm: Ban Xây dựng Đảng tổng hợp, lập danh sách các trường hợp kê khai tài sản, thu nhập (*phân rõ từng loại đối tượng - diện Ban Thường vụ Thành ủy. Ban Thường vụ Đảng ủy phường quản lý và các đối tượng còn lại*), trình Thường trực Đảng ủy phường phê duyệt và triển khai đến các đơn vị có liên quan. UBND phường phê duyệt và triển khai đến các đơn vị theo thẩm quyền.

(2) Đối với trường hợp kê khai lần đầu:

Thủ trưởng đơn vị đang trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức chủ động rà soát, lập danh sách gửi Ban Xây dựng Đảng, đồng thời yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai theo quy định.

(3) Đối với trường hợp kê khai phục vụ công tác cán bộ:

Ban Xây dựng Đảng chủ động phối hợp với Thủ trưởng đơn vị đang trực tiếp sử dụng cán bộ, công chức yêu cầu người có nghĩa vụ kê khai thực hiện việc kê khai theo quy định.

Bước 2: Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đang quản lý, sử dụng cán bộ, công chức có trách nhiệm hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người phải kê khai trong cơ quan, đơn vị. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc thì thông tin về Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để được hướng dẫn.

Bước 3: Kê khai tài sản thu nhập

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có trách nhiệm kê khai theo biểu mẫu và hướng dẫn kê khai tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ đúng thời hạn quy định.

- Thủ trưởng các đơn vị đang sử dụng cán bộ, công chức có trách nhiệm rà soát bản kê khai của từng cá nhân nhằm kịp thời phát hiện trường hợp kê khai không đúng mẫu hoặc không đầy đủ thông tin để yêu cầu bổ sung thông tin hoặc kê khai lại theo quy định.

9. Tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản thu nhập

- Người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập nộp 03 bản kê khai cho cơ quan, đơn vị đang công tác.

- Cơ quan, đơn vị nơi cán bộ, công chức đang công tác có trách nhiệm lập sổ theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai (*mẫu 02*), mỗi trường hợp lưu 01 bản kê khai tại đơn vị; bàn giao 02 bản kê khai về Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) chậm nhất 05 ngày kể từ ngày hết hạn kê khai.

- Trường hợp bản kê khai không đúng theo mẫu hoặc không đầy đủ về nội dung thì Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) yêu cầu kê khai bổ sung hoặc kê khai lại. Thời hạn kê khai bổ sung hoặc kê khai lại là 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu (*trừ trường hợp có lý do chính đáng*).

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được bản kê khai, Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) có trách nhiệm rà soát, kiểm tra bản kê khai và bàn giao 01 bản kê khai cho Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Hà Nội (*đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý*) và Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường (*đối với các trường hợp còn lại*).

10. Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

10.1 Kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung

Bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai phải được công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc chậm nhất 05 ngày kể từ ngày bàn giao bản kê khai theo đúng yêu cầu về Ban Xây dựng Đảng, UBND phường (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*).

Hình thức công khai: Các đơn vị đang trực tiếp sử dụng người có nghĩa vụ kê khai lựa chọn 01 trong 02 hình thức sau:

- Niêm yết tại trụ sở cơ quan nơi cán bộ, công chức thường xuyên làm việc

trong 15 ngày; vị trí niêm yết đảm bảo an toàn, thuận tiện cho việc đọc các bản kê khai. Việc niêm yết phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ các bản kê khai được niêm yết, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn (nếu có).

- Công khai tại cuộc họp bao gồm toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (số đại biểu có mặt tối thiểu 2/3 số người được triệu tập): Người chủ trì cuộc họp tự mình hoặc phân công người đọc các bản kê khai hoặc từng người đọc bản kê khai của mình. Biên bản cuộc họp phải ghi lại những ý kiến phản ánh, thắc mắc và giải trình về nội dung bản kê khai (nếu có); có chữ ký của người chủ trì cuộc họp và đại diện tổ chức công đoàn cơ quan (nếu có).

- Ban Xây dựng Đảng thực hiện niêm yết công khai các kê khai tài sản thu nhập hằng năm đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, bàn giao biên bản kết thúc niêm yết công khai về Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

10.2. Kê khai phục vụ công tác cán bộ

Bản kê khai của người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân phải được công khai theo quy định của pháp luật về bầu cử.

Bản kê khai của người dự kiến bầu, phê chuẩn tại Hội đồng nhân dân phải được công khai với đại biểu Hội đồng nhân dân trước khi bầu, phê chuẩn. Thời điểm, hình thức công khai được thực hiện theo quy định của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bản kê khai của người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được công khai bao gồm: bản kê khai lần đầu, bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm và bản kê khai hằng năm hoặc bản kê khai bổ sung liên trước đó.

Hình thức công khai: Công khai tại hội nghị toàn thể CBCCVC, NLĐ của đơn vị (nơi đang công tác của người có nghĩa vụ kê khai).

- Trình tự như sau:

(1) Chủ trì hội nghị phát cho những người bỏ phiếu tín nhiệm bản sao của các bản kê khai phục vụ cho công tác các bộ nêu trên.

(2) Đọc hoặc phân công người đọc bản kê khai phục vụ công tác cán bộ và Kết luận xác minh tài sản, thu nhập (nếu có).

(3) Người kê khai có quyền giải thích các ý kiến nêu tại cuộc họp liên quan tới bản kê khai (nếu có).

(4) Trường hợp cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm có sự tham gia của toàn thể CBCCVC, NLĐ của đơn vị: Trước khi lấy phiếu tín nhiệm, người chủ trì cuộc họp thực hiện việc công khai bản kê khai và kết quả công khai được ghi vào biên bản cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm.

(5) Trường hợp cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm không bao gồm toàn thể CBCCVC, NLĐ của đơn vị: Trước khi họp lấy phiếu tín nhiệm, thủ trưởng đơn vị

(*nơi đang công tác người có nghĩa vụ kê khai*) triệu tập toàn thể CBCCVC, NLĐ để công khai bản kê khai. Kết quả công khai phải được lập thành biên bản, có chữ ký xác nhận của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và đại diện tổ chức công đoàn.

- *Trách nhiệm thực hiện:* Cơ quan, đơn vị đang sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

11. Theo dõi biến động tài sản, thu nhập

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường theo dõi biến động về tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai thông qua phân tích, đánh giá thông tin từ bản kê khai hoặc từ các nguồn thông tin khác.

Trường hợp phát hiện tài sản, thu nhập có biến động từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai không kê khai thì Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường có quyền yêu cầu người đó cung cấp, bổ sung thông tin có liên quan; trường hợp tài sản, thu nhập có biến động tăng thì phải giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm.

12. Xác minh tài sản, thu nhập

Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường xác minh tài sản, thu nhập khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có dấu hiệu rõ ràng về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực;
- Có biến động tăng về tài sản, thu nhập từ 300.000.000 đồng trở lên so với tài sản, thu nhập đã kê khai lần liền trước đó mà người có nghĩa vụ kê khai giải trình không hợp lý về nguồn gốc;
- Có tố cáo về việc kê khai tài sản, thu nhập không trung thực và đủ điều kiện thụ lý theo quy định của Luật Tố cáo;
- Thuộc trường hợp xác minh theo kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập hằng năm đối với người có nghĩa vụ kê khai được lựa chọn ngẫu nhiên;
- Có yêu cầu hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền theo quy định tại Điều 42 của Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018.

Hằng năm, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng, triển khai kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai do cấp ủy cấp mình quản lý. Số lượng đảng viên được xác minh tài sản, thu nhập được lựa chọn tối thiểu bằng 10% số người có nghĩa vụ kê khai hàng năm (*bao gồm cả người có nghĩa vụ kê khai là đối tượng kiểm tra, giám sát, giải quyết tố cáo*), trước hết là đảng viên có đơn, thư phản ánh, tố cáo biến động về tài sản, thu nhập; đảng viên công tác tại cơ quan, đơn vị dễ xảy ra tham nhũng, tiêu cực và đảng viên là người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Kết luận xác minh tài sản, thu nhập, người ra quyết định xác minh tài sản, thu nhập có trách nhiệm công khai Kết luận xác minh theo quy định.

13. Chế độ thông tin, báo cáo về kiểm soát tài sản, thu nhập

13.1. UBND phường, Ban xây dựng Đảng có trách nhiệm gửi kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập về Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường (trước ngày 30/3 hằng năm-mẫu 03).

13.2. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phường có trách nhiệm:

- Tổng hợp kết quả kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy phường và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cấp trên theo quy định (trước ngày 10/5 hằng năm).

- Thông tin, dữ liệu kê khai tài sản, thu nhập được quản lý, khai thác để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, xác minh tài sản, thu nhập; cung cấp theo yêu cầu của cấp ủy hoặc Ủy ban Kiểm tra cấp trên.

- Cung cấp thông tin, dữ liệu về kiểm soát tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, đảng viên thuộc phạm vi quản lý cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Cung cấp thông tin kê khai và kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đối tượng có nghĩa vụ kê khai đang quản lý (bao gồm cả bản kê khai chi tiết) cho đoàn kiểm tra, xác minh tài sản, thu nhập và Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập cấp trên khi được yêu cầu.

Trên đây là hướng dẫn kiểm soát tài sản thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các đơn vị thông tin kịp thời về Ban xây dựng Đảng để được hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Thành ủy,
- UBKT Thành ủy,
- HĐND phường,
- UBND phường,
- Ban XDĐ, UBKT và VPĐU,
- MTTQ, các đoàn thể CT - XH phường,
- Các TCCSĐ,
- Lưu.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lê Đức Toàn

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TRỰC TIẾP**TIÊU NGŨ'****ĐƠN VỊ**

*

*Ngày.....tháng.....năm 20***DANH SÁCH****Cán bộ, công chức thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập**

STT	Họ và tên CBCC	Chức vụ	Phương thức kê khai (bổ sung, hàng năm/lần đầu)
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			

Nơi nhận**T/M CẤP ỦY HOẶC THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

ĐƠN VỊ

TIÊU NGŨ

Ngày.....tháng.....năm 20

SỔ

Theo dõi kê khai, giao, nhận bản kê khai tài sản thu nhập.....

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số trang của 01 bản kê khai	Ngày kê khai	Phương thức kê khai	Năm kê khai	Ngày bàn giao về đơn vị	Số bản	Người kê khai ký tên	Số bản đơn vị bàn giao về	Ghi chú
1											
2											

NGƯỜI LẬP SỔ
(ký ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ BÀN GIAO
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
CỦA BAN XĐĐ
(Tiếp nhận ngày.....tháng.....năm)
(ký ghi rõ họ tên, chức vụ)

ĐƠN VỊ

TIÊU NGŨ

*

Số ký hiệu văn bản

Ngày.....tháng.....năm 20

BÁO CÁO**Kết quả triển khai thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập năm....**

1. Công tác chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện công tác kiểm soát tài sản, thu nhập
 - Công tác tuyên truyền, quán triệt các quy định về kiểm soát TSTN;
 - Các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.
2. Kết quả thực hiện
 - Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

STT	NỘI DUNG	ĐV Tính	Số liệu
I	Kê khai tài sản, thu nhập		
1	<i>Tổng số phải kê khai tài sản, thu nhập:</i>		
-	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	
-	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	Người	
-	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
-	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ (<i>quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, chuyển đổi vị trí công tác, giới thiệu ứng cử...</i>)	Người	
2	<i>Số đã kê khai tài sản, thu nhập:</i>		
-	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Người	
	Tỷ lệ % so với số phải kê khai lần đầu	%	
-	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	Người	
	Tỷ lệ % so với số phải kê khai hằng năm	%	
-	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
	Tỷ lệ % so với số phải kê khai bổ sung	%	
-	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ	Người	
	Tỷ lệ % so với số phải kê khai phục vụ công tác cán bộ	%	
II	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập		
1	<i>Số bản kê khai tài sản, thu nhập đã được công khai</i>	Bản	

-	Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ	Bản	
2	<i>Số bản kê khai tài sản, thu nhập được công khai theo hình thức niêm yết</i>	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập hàng năm	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Bản	
-	Kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ	Bản	
	Tỷ lệ % so với tổng số bản kê khai được công khai	%	

3. Đánh giá chung

- Ưu điểm
- Hạn chế và nguyên nhân

4. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- UBKT đảng ủy,
- Lưu.

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)